

Bản án số: **34/2026/HNGĐ-ST**  
Ngày: 24/04/2026  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Khắc Tiên

Ông Nguyễn Thế Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2026/QĐST-DS ngày 06/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thị H**, sinh năm: 2004; CCCD số: 0753.0401.5663 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/03/2024.

Địa chỉ: Ấp H, xã X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Thổ Minh H1**, sinh năm: 1995; CCCD số: 0750.9500.2809 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/09/2022.

Địa chỉ: Khu phố R, phường B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 02 năm 2026, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh H1 tự nguyện yêu thương, tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn

tại UBND phường B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171 ngày 28/11/2022.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung tại nhà anh H1 ở phường B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi sinh bé thứ nhất, khoảng năm 2023 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 công việc chưa ổn định, hay đi nhậu với bạn bè, không quan tâm lo lắng cho gia đình, vợ con. Anh H1 nghiện chơi game, khi không có tiền chơi game thì lại kiếm chuyện với chị H, hai bên có cự cãi và có xảy ra xô sát. Anh H1 có đánh chị H nhưng chị H không báo chính quyền địa phương và cũng không để lại thương tích. Cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên không hòa hợp được. Do không thể hòa giải được nên hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn nửa năm nay. Hiện tại chị H và con đang sống tại nhà bà N ở xã X, tỉnh Đồng Nai. Khi sinh sống tại nhà bà N, anh H1 vẫn đến nhà quậy phá, chửi bới, đập đồ đạc và còn xúc phạm, xảy ra xô sát với chị H. Trong khi sống ly thân thì anh H1 cũng không thăm hỏi chị H và con, đồng thời cũng không chu cấp kinh tế cùng chị H nuôi con. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị H yêu cầu Tòa án cho chị H được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Chị Thị H và anh Thổ Minh H1 chung sống có 02 con chung là:

+ Cháu Thị Ngọc M, sinh ngày: 25/03/2023.

+ Cháu Thổ Ngọc Bảo T, sinh ngày: 16/01/2026.

Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và cháu T. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo bản tự khai đề ngày 27 tháng 02 năm 2026 bị đơn - anh Thổ Minh H1 trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 và chị H tự nguyện yêu thương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2022.

Anh H1 xác định là có cãi nhau với chị H, tuy nhiên cãi nhau không có chuyện gì lớn. Anh H1 không đồng ý ly hôn do vợ sống không chung thủy.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là:

+ Cháu Thị Ngọc M, sinh ngày: 25/03/2023.

+ Cháu Thổ Ngọc Bảo T, sinh ngày: 16/01/2026.

Khi ly hôn, anh H1 yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Thị H và anh Thổ Minh H1 được ly hôn.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh H1 hiện đăng ký thường trú tại địa chỉ khu phố R, phường B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - chị Thị H có yêu cầu ly hôn với bị đơn - anh Thổ Minh H1. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Thị H là nguyên đơn, anh Thổ Minh H1 là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Ngày 16/03/2026, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1, thông báo cho anh H1 biết thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh H1 tiếp tục vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H1.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Thị H và anh Thổ Minh H1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171 ngày 28/11/2022. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 là hợp pháp.

*Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Qua trình bày của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh H1 đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra sự bất hòa, đôi khi còn xảy ra xô sát. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H1 thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình với chị H dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị H cho rằng anh H1 ham chơi, chỉ biết lo cho bản thân mình, hay nóng tính nên dẫn đến xô sát và hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình sống ly thân, cả hai vợ chồng cũng không quan tâm, hỏi thăm đến nhau và anh H1 cũng không hỗ trợ kinh tế để chị H nuôi con chung. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H1 đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị H nhưng anh H1 không hợp tác. Điều đó cho thấy anh H1 không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị H để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Theo biên bản xác minh ngày 26/02/2026, địa phương cho biết: “ ... *Hiện nay chị H và anh H1 không sống chung với nhau*”.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

**[2.2] Về con chung:** Chị H và anh H1 chung sống có 02 con chung là:

+ Cháu Thị Ngọc M, sinh ngày: 25/03/2023.

+ Cháu Thổ Ngọc Bảo T, sinh ngày: 16/01/2026.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu M và T. Xét thấy, hiện con chung đang sống cùng với chị H. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị H được trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng: Tạm thời anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh H1 đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí**: Chị Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] **Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai**: Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Thị H.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Thị H và anh Thổ Minh H1 được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Thị Ngọc M, sinh ngày: 25/03/2023 và cháu Thổ Ngọc Bảo T, sinh ngày: 16/01/2026 cho chị Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Thổ Minh H1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời anh Thổ Minh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thị H không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên

lai thu số 0002999 ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đồng Nai;
- UBND phường Bảo Vinh, tỉnh Đồng Nai (GNCKH số 171/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đinh Thị Tuyết Hạnh**